

Bản án số: 1500/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2025

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 789/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4050/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4711/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Lê Hải L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Căn hộ S khối A, lô K chung cư C, đường số C, ấp E, xã B (địa chỉ cũ xã P, huyện B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ong Ngọc Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: A đường số B, khu phố C, phường A (địa chỉ cũ phường F, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, Nguyên đơn bà Cao Lê Hải L trình bày: Bà Cao Lê Hải L và ông Ong Ngọc Q tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/03/2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ dẫn đến tình cảm

không còn. Bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không có. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ong Ngọc Ninh Q1, sinh ngày 09/4/2020. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Ong Ngọc Q có Bản tự khai đề ngày 09/7/2025 trình bày ý kiến như sau: Trong hôn nhân giữa ông Q và bà L thiếu sự chia sẻ dẫn đến không cùng nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Do đó, ông Q đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Ông Q đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bà Cao Lê Hải L trình bày: Bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Ong Ngọc Q với lý do: Vợ chồng không có sự thương yêu, chia sẻ, thấu hiểu dành cho nhau. Bà L và ông Q đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống và chăm lo cho con.

Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn, ông Ong Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng: Bà Cao Lê Hải L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Ong Ngọc Q, ông Q có địa chỉ cư trú cuối cùng tại phường A nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/3/2020 (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) thì quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Lê Hải L và ông Ong Ngọc Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn, ông Ong Ngọc Q lên Tòa án làm việc và xác định địa chỉ cư trú tại A đường số B, khu phố C, phường A (địa chỉ cũ phường F, quận G), Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản tự khai ngày 09/7/2025. Sau đó, ông Q không cư trú tại địa chỉ trên và không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và Tòa án được biết nên được xem là trường hợp ông Q cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết tại địa chỉ cư trú cuối cùng của ông Q là phù hợp quy định pháp luật. Ông Ong Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của bà Cao Lê Hải L, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hạnh phúc gia đình được xây dựng và vun đắp dựa trên tình yêu thương, sự tôn trọng và chia sẻ của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, qua trình bày của bà L và ông Q đều thể hiện giữa vợ chồng không có sự thấu hiểu, chia sẻ cùng nhau. Bà L và ông Q đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Tại Bản tự khai ngày 09/7/2025 ông Q cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Ong Ngọc Ninh Q1, sinh ngày 09/4/2020, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q có Bản tự khai trình bày ý kiến đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà L. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Lê Hải L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Lê Hải L được ly hôn với ông Ong Ngọc Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Ong Ngọc Ninh Q1, sinh ngày 09/4/2020 cho bà Cao Lê Hải L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Ong Ngọc Q do bà L không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm bà Cao Lê Hải L phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000370

ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Lê Hải L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ong Ngọc Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7- Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Hồng Út